

CĂN CỨ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG THEO LUẬT THƯƠNG MẠI 2005 VÀ PHÁP LUẬT CHÂU ÂU

● NGUYỄN THỊ HOA CÚC - ĐOÀN NGUYỄN PHÚ CƯỜNG

TÓM TẮT:

Trong số các chế tài áp dụng cho bên vi phạm hợp đồng thì hủy hợp đồng được xem là khắc khe nhất vì hậu quả pháp lý của nó làm triệt tiêu hiệu lực của hợp đồng từ thời điểm giao kết. Theo Luật Thương mại 2005 (LTM 2005), bên có quyền muốn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng hay cơ quan tài phán tuyên bố hợp đồng bị hủy bỏ phải chứng minh sự vi phạm của bên vi phạm thỏa mãn một trong hai căn cứ: (1) xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng; (2) một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng¹. Thực tiễn giải quyết tranh chấp cho thấy, việc đánh giá các căn cứ để hủy bỏ hợp đồng trong hợp đồng thương mại cần được bàn luận thêm. Bài viết nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về căn cứ áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng dưới góc độ so sánh với pháp luật Anh, Pháp và Bộ nguyên tắc Luật hợp đồng châu Âu (PECL) nhằm góp phần hoàn thiện quy định và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp cho cơ quan tài phán Việt Nam.

Từ khóa: hủy bỏ hợp đồng, điều kiện hủy bỏ hợp đồng, vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

1. Căn cứ yêu cầu hủy bỏ hợp đồng theo pháp luật Việt Nam

1.1. Xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng

Nhằm tôn trọng sự thỏa thuận và quyền tự do định đoạt của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng, pháp luật thương mại Việt Nam quy định căn cứ đầu tiên cho việc áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng là khi “xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng”. Theo đó, căn cứ này đòi hỏi đã xảy ra hành vi vi phạm và hành vi vi phạm này phải được các bên thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng.

Thứ nhất, đã xảy ra hành vi vi phạm.

Trước hết cần xác định là hành vi vi phạm của một bên đã thực sự xảy ra. Trong khoa học pháp

lý, lý thuyết về vi phạm hợp đồng đã ra đời và tồn tại lâu dài trong tất cả các hệ thống pháp luật trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Có quan điểm cho rằng “hành vi vi phạm hợp đồng là những biểu hiện khách quan dưới dạng hành động hoặc không hành động trái với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận”². Bên cạnh đó, còn có ý kiến cho rằng “vi phạm hợp đồng là hành vi của một bên không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ theo các điều kiện hợp đồng”³. Có thể hiểu, vi phạm hợp đồng là không tuân theo hoặc làm trái những gì các bên đã thống nhất ý chí với nhau và một bên chỉ có quyền yêu cầu áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng sau khi bên kia đã có hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Thứ hai, hành vi vi phạm phải được các bên thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng.

Hành vi vi phạm được thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng tức là thỏa thuận này phải được ghi nhận trước khi hành vi này xảy ra trên thực tế. Cần có sự phân biệt rõ nhóm điều khoản mang ý nghĩa là cam kết để thực hiện hợp đồng với nhóm điều khoản là điều kiện để tuyên bố hủy bỏ hợp đồng. Hành vi vi phạm dẫn đến quyền hủy bỏ hợp đồng phải được thỏa thuận cụ thể một cách thị rằng đây là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng.

Mặt khác, Luật Thương mại có phân biệt hành vi vi phạm cơ bản và không cơ bản. Theo đó, vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng⁴ và vi phạm không cơ bản sẽ được hiểu theo hướng ngược lại. Đồng thời, “trừ trường hợp có thỏa thuận khác, bên bị vi phạm không được áp dụng chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng đối với vi phạm không cơ bản”⁵. Như vậy, đối với căn cứ này không cần xem xét hành vi vi phạm của bên kia có phải là hành vi vi phạm cơ bản hay không mà chỉ cần là hành vi này đã được các bên thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng thì yêu cầu hủy bỏ hợp đồng sẽ được chấp nhận.

1.2. Một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng

Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận thuộc căn cứ thứ nhất thì lúc này bên bị vi phạm hay cơ quan tài phán chỉ có thể tuyên bố hủy bỏ hợp đồng khi chứng minh được hành vi vi phạm của bên vi phạm là vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Theo Luật Thương mại, vi phạm cơ bản là “sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng”⁶. Như vậy, để xác định một hành vi vi phạm là vi phạm cơ bản thì cần hội đủ 2 yếu tố: (1) hành vi vi phạm gây thiệt hại cho một bên, (2) thiệt hại đó nghiêm trọng đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích đề ra khi giao kết hợp đồng.

Một là, hành vi vi phạm gây thiệt hại cho bên còn lại. Khi một bên vi phạm hợp đồng thì hệ quả dẫn đến cho bên bị vi phạm có thể thiệt hại thực tế chứng minh được hoặc không có thiệt hại thực tế. Vấn đề đặt ra ở đây là “thiệt hại” được đề

cập trong căn cứ này có nhất thiết phải là thiệt hại vật chất thực tế hay không?

Hai là, hệ quả của thiệt hại là bên bị vi phạm không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

Mục đích của việc giao kết hợp đồng thương mại không được giải thích cụ thể trong các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, có thể tìm thấy định nghĩa mục đích của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 118 Bộ luật Dân sự 2015 và có thể xem đây như là mục đích của giao kết hợp đồng thương mại vì hợp đồng thương mại cũng là một dạng giao dịch dân sự. Đó là lợi ích hợp pháp mà các bên mong muốn đạt được khi xác lập giao dịch đó. Mục đích giao kết hợp đồng thương mại được thể hiện trong các điều khoản của hợp đồng nhằm ràng buộc trách nhiệm của bên kia. Thế nhưng, mục đích giao kết hợp đồng không phải lúc nào cũng được minh thị trong hợp đồng và khi đó cơ quan giải quyết phải áp dụng việc giải thích hợp đồng mới xác định được.

Nghiên cứu bản án số 19/2017/KDTM-ST của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Bình Dương ngày 20/12/2017 nhận thấy Tòa án sơ thẩm đã hủy bỏ cả 3 hợp đồng mua bán vì vi phạm nghĩa vụ cơ bản (vi phạm thời hạn hoàn thành do giao hàng không đồng bộ), Tòa án phúc thẩm vẫn giữ nguyên quyết định trên. Tại Bản án số 31/2018/KDTM-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 30/10/2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Công ty B và ông H - Chủ doanh nghiệp tư nhân N (nay là Công ty TNHH Bê tông N). Trong phần nhận định của Tòa án nêu rõ “đã có đủ cơ sở khẳng định phía bị đơn đã vi phạm cơ bản nghĩa vụ của hợp đồng là vi phạm thỏa thuận về thời gian giao hàng và vi phạm về chất lượng hàng hóa là giao hàng hóa không đồng bộ, làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của phía nguyên đơn”. Theo đó, tại Khoản 4 Điều 312 Luật Thương mại quy định một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ của hợp đồng là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng. Như vậy, có thể thấy, TAND đã xác định lỗi của bên vi phạm hợp đồng thông qua hành vi vi phạm điều khoản đã thỏa thuận dẫn đến số máy móc đã lắp đặt tại nhà xưởng Công ty B không hoạt động được, hay nói cách khác là đã đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

Hay tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn tại bản án số 259/2014/KDTM-ST ngày 10/09/2014 của Tòa án nhân dân quận X, TP. Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Hà Anh khởi kiện Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thương mại Minh Châu về hợp đồng dịch vụ để nguyên đơn được cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác cát. Đây là một hợp đồng theo mẫu do bên B phát hành nên đã cố tình không ghi rõ thời hạn thực hiện hợp đồng, không ghi rõ về mức phạt và thời hạn chậm trễ trên hợp đồng. Từ đó, việc xác định hành vi vi phạm có phải là vi phạm cơ bản hay không trở nên khó khăn. Trong phần xét thấy, TAND đã căn cứ vào điều 1 của hợp đồng thì nghĩa vụ cơ bản của bị đơn là “tư vấn, lập kế hoạch, hướng dẫn nguyên đơn để đạt được mục đích cuối cùng là nguyên đơn được cấp giấy phép khai thác cát tại địa điểm trên. Tuy nhiên, căn cứ vào công văn số 445/STNMT-KS ngày 18/02/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh ĐN thì nguyên đơn chưa hề nộp hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cát, điều này đồng nghĩa với việc bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng”. Công việc, nội dung và nghĩa vụ của bị đơn trong việc làm dịch vụ để nguyên đơn được cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác cát nhưng thực tế bị đơn không hề tiến hành bất kỳ một công việc hay nghĩa vụ nào như thỏa thuận trong hợp đồng. Tòa án đã viện dẫn điểm b khoản 4 Điều 312 Luật Thương mại năm 2005 để làm cơ sở để xác định phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng vì hành vi không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của bị đơn làm cho nguyên đơn không được cấp giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác cát.

Như vậy, có thể thấy rằng, thiệt hại từ hành vi vi phạm cơ bản không bắt buộc phải được chính mình bằng tổn thất vật chất thực tế, thay vào đó hệ quả của thiệt hại phải là bên bị vi phạm bị mất đi (không đạt được) lợi ích mà họ kỳ vọng khi ký kết hợp đồng mới là cơ sở tiên quyết để Tòa án tuyên bố hủy bỏ hợp đồng của các bên.

2. Căn cứ hủy bỏ hợp đồng theo Luật Anh Quốc và Luật của Pháp

2.1. Luật Anh Quốc

Luật Anh quốc chỉ cho phép sự hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp có sự vi phạm điều kiện mang ý nghĩa là “condition” - điều kiện của hợp đồng. Điều khoản này được hiểu là điều kiện

trọng yếu “go to the root of the contract” và những điều khoản khác sẽ không quan trọng bằng. Chẳng hạn, nếu một bên thuê một căn nhà cho chuyển nghỉ dưỡng trong mùa hè thì điều khoản cho phép người thuê sử dụng căn nhà suốt 3 tuần của tháng 7 rõ ràng quan trọng hơn điều khoản thông qua việc thuê nhà người thuê được tham gia câu lạc bộ sức khỏe của địa phương miễn phí⁷. Điều này cho thấy, Luật Anh quốc khi xem xét một hành vi vi phạm dẫn đến hủy bỏ hợp đồng sẽ phân biệt rõ giữa điều khoản là “essential” - điều khoản cốt lõi thể hiện sự mong muốn đạt được của các bên khi giao kết hợp đồng và nếu điều khoản đó bị vi phạm thì bên có quyền có thể hủy hợp đồng (condition) và nhóm điều khoản khác mà nếu có bị vi phạm thì chỉ có thể yêu cầu bồi thường (gọi là điều khoản warranties). Những điều khoản được xem như “condition” có thể được minh thị cụ thể (expressly) hoặc là những ngụ ý thiết thực (necessary implication). Ví dụ, the Sale of Goods Act 1979 từ điều 12 đến 15 đã ngụ ý rằng hàng hóa được bán phải đảm bảo thỏa mãn về chất lượng, phù hợp với mục đích và tương thích với những mô tả là “condition” - điều kiện trọng yếu của hợp đồng, những điều khoản đó là cốt lõi của hợp đồng (go to the root of the contract). Như vậy khi người bán giao các hàng hóa không phù hợp với những nội dung này quyền hủy bỏ hợp đồng sẽ được ghi nhận⁸. Tuy nhiên, theo điều 15 (A), người mua không thể hủy bỏ hợp đồng nếu khiếm khuyết hàng hóa được giao là thứ yếu (mineur); vậy nên người mua phải bằng lòng với biện pháp khắc phục việc vi phạm hợp đồng là tiền bồi thường thiệt hại⁹.

Như vậy theo Luật Anh quốc, hợp đồng chỉ bị hủy bỏ khi có một sự vi phạm các điều khoản chủ yếu của hợp đồng và điều đó làm cho bên bị vi phạm không đạt được quyền lợi cốt lõi khi giao kết hợp đồng mà không tính đến việc các bên có thỏa thuận cụ thể về quyền được hủy bỏ trước đó hay không. Trường hợp này có điểm tương đồng với căn cứ hủy bỏ hợp đồng do hành vi vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng của Luật Thương mại 2005.

2.2. Theo luật của Pháp

Theo Bộ Luật dân sự Pháp cải cách năm 2016 có 3 trường hợp được hủy bỏ hợp đồng¹⁰: (1) các bên có thể thỏa thuận cụ thể trường hợp hành vi vi phạm hợp đồng dẫn đến hủy bỏ hợp đồng. Căn cứ này đòi hỏi các điều kiện hủy bỏ phải được

chỉ rõ những công việc mà không thực hiện nó sẽ là cơ sở để hủy bỏ hợp đồng. Nội dung này tương đồng với căn cứ hủy bỏ “xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng”¹¹; (2) bên bị vi phạm có thể thông báo hủy bỏ hợp đồng sau khi đã cho bên vi phạm thời gian hợp lý để thực hiện nghĩa vụ của họ, trừ khi sự vi phạm của bên vi phạm là nghiêm trọng (serious non-performance)¹²; (3) hủy bỏ hợp đồng là một quyết định của Tòa án. Lúc này, Tòa án sẽ dựa vào từng tình huống cụ thể, có thể xem xét mức độ lỗi của bên vi phạm và mất mát của bên bị vi phạm để quyết định là sẽ tuyên bố hủy hợp đồng hay cho bên vi phạm thêm thời gian để thực hiện hợp đồng hoặc chỉ bồi thường thiệt hại. Các thẩm phán Pháp vẫn giữ quyền thẩm lượng rất rộng rãi về vấn đề tiếp sau đưa ra cho việc không thi hành hợp đồng. Trong mọi trường hợp, thẩm phán được xin phân xử, thẩm phán có quyền luân phiên theo ba nhánh (Bộ luật Dân sự Pháp, Điều 1228): (a) tuyên bố hoặc công nhận hủy bỏ, (b) cho bên vi phạm một thời hạn để thực hiện nghĩa vụ, và cuối cùng (c) yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại nếu thẩm phán đánh giá rằng vi phạm không đủ nghiêm trọng để cho phép hủy bỏ hợp đồng¹³. Có thể hiểu ngoài các trường hợp được quy định cụ thể như pháp luật Việt Nam thì pháp luật của Pháp đã tạo cho thẩm phán có sự chủ động định đoạt số phận của hợp đồng dựa trên những cơ sở thực tế. Điều này tạo thuận lợi trong thực thi quyền tài phán và đảm bảo tính bao quát trong giải quyết tranh chấp.

3. Căn cứ hủy bỏ hợp đồng theo Bộ nguyên tắc Luật hợp đồng Châu Âu (PECL)

PECL đưa ra 2 căn cứ để hủy bỏ hợp đồng tại điều 9:301: (1) một bên có thể hủy bỏ hợp đồng nếu hành vi vi phạm của bên kia là chủ yếu (fundamental); (2) khi một bên vi phạm hợp đồng thì bên bị vi phạm có thể thông báo cho bên kia thêm thời gian để thực hiện, nếu hết thời gian bổ sung đó bên vi phạm vẫn không thực hiện thì bên bị vi phạm có quyền hủy bỏ hợp đồng¹⁴.

Đối với căn cứ thứ nhất thì vi phạm chủ yếu được hiểu là: sự tuân thủ nghiêm ngặt đối với nghĩa vụ đó là cốt lõi của hợp đồng hoặc không thực hiện hợp đồng tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng, trừ khi bên vi phạm không tiên liệu được hoặc không thể

tiên liệu được một cách hợp lý hậu quả đó, hoặc không thực hiện hợp đồng là có chủ ý khiến cho bên bị vi phạm có lý do tin rằng họ không thể tin tưởng bên kia trong việc thực hiện nghĩa vụ tiếp theo trong hợp đồng¹⁵. Những quy định của PECL để xác định căn cứ hủy bỏ hợp đồng có điểm tương đồng với Luật Anh quốc khi đánh giá tính cốt lõi của nghĩa vụ đối với hợp đồng. Đồng thời nhấn mạnh sự vi phạm nghiêm trọng làm tước đi quyền lợi được kỳ vọng mà bên bị vi phạm đề ra khi giao kết hợp đồng, và căn cứ này tương đồng với pháp luật Việt Nam¹⁶.

Đặc biệt, PECL cũng ghi nhận quyền hủy bỏ hợp đồng của một bên khi cho rằng bên kia sẽ vi phạm chủ yếu hợp đồng mặc dù chưa đến hạn thực hiện hợp đồng¹⁷. Quy định này cho phép một bên khi đã có cơ sở chắc chắn rằng bên kia không thể thực hiện hợp đồng khi đến thời hạn, họ được hủy hợp đồng như một biện pháp tự ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại cho chính mình. Quy định này cũng được tìm thấy trong Luật Anh quốc, còn Luật của Pháp thì không cho phép¹⁸. Luật Thương mại 2005 không có quy định về trường hợp này vì nếu căn cứ điều 312 thì hiểu rằng hành vi vi phạm phải đã xảy ra trên thực tế chứ không thể là hành vi vi phạm do tiên liệu khi mà nghĩa vụ phải làm chưa đến hạn (trừ trường hợp hủy hợp đồng đối với hợp đồng giao hàng cung ứng dịch vụ từng phần¹⁹).

4. Kết luận và kiến nghị

Việc áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng sẽ tác động đến hiệu lực hợp đồng và quyền lợi của các bên nên việc hoàn thiện pháp luật về chế định hủy bỏ hợp đồng nói chung và căn cứ hủy bỏ hợp đồng nói riêng có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp từ hợp đồng. Trên cơ sở nghiên cứu so sánh với pháp luật châu Âu về căn cứ hủy bỏ hợp đồng, người viết có một số kiến nghị sau:

Một là, không cần thiết phải quy định yếu tố “thiệt hại” trong quy định về vi phạm cơ bản tại Khoản 13 Điều 3 LTM 2005. Yếu tố “thiệt hại” trong khái niệm về vi phạm cơ bản không được hiểu là thiệt hại thực tế về mặt vật chất mà hậu quả của thiệt hại chính là sự mất đi những lợi ích mà các bên kỳ vọng khi giao kết hợp đồng. Pháp luật châu Âu cũng không xem thiệt hại vật chất là điều kiện cần để tuyên bố hủy bỏ đồng mà việc tước đi những kỳ vọng của bên bị vi phạm để

ra khi giao kết hợp đồng mới là điều kiện tiên quyết quyết định số phận của hợp đồng.

Hai là, Luật Thương mại Việt Nam nên ghi nhận quyền được hủy bỏ hợp đồng trước khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ của một bên khi có sơ sở chứng minh rằng bên còn lại sẽ có hành vi vi

phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ. Nghĩa vụ chứng minh cơ sở để hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp này sẽ thuộc về bên yêu cầu. Quy định này sẽ giúp cho bên yêu cầu hạn chế được những tổn thất có thể phát sinh nếu để mặc cho sự vi phạm xảy ra ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Điều 312 LTM 2005

² Dương Anh Sơn: Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4/2006), tr. 51-55

³ Phạm Duy Nghĩa, 2011, Giáo trình Luật Kinh tế, Nxb Công an nhân dân, tr.373.

⁴ Khoản 13, điều 3 Luật Thương mại 2005

⁵ Điều 293, Luật Thương mại 2005

⁶ Khoản 13 điều 3 Luật Thương mại 2005

⁷ Jan M.Smits, 2017, Contract law -A Comparative Introduction, TJ International LTd, Padstow, tr.231

⁸ Xem điều 11 (3), 13 (IA) và 14 (6) Sale of Goods Act 1979.

⁹ Điều này không được áp dụng khi người mua là người tiêu dùng(v. ss 373 s.). V. pour une critique de la s.

¹⁰ Điều 1224, Bộ luật Dân sự Pháp

¹¹ Điểm a, khoản 4, Điều 312 LTM 2005

¹² Điều 1226, Bộ luật dân sự Pháp

¹³ N. Dissaux, C. Jamin, 2018, Réforme du droit des contrats. 10 articles à connaître, Paris, Dalloz, tr. 47.

¹⁴ Điều 8:106, PECL

¹⁵ Điều 8:103 PECL

¹⁶ Điểm b, khoản 4, Điều 312 LTM 2005

¹⁷ Điều 9:304 PECL

¹⁸ Jan M.Smits, 2017, Contract law - A Comparative Introduction, TJ International LTd, Padstow, tr.237

¹⁹ Điều 313 Luật Thương mại 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005*.

2. Tòa án nhân dân quận X, TP. Hồ Chí Minh (2014). *Bản án số 259/2014/KDTM-ST ngày 10/09/2014 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ*.

3. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (2018). *Bản án số 31/2018/KDTM-PT ngày 30/10/2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*.

4. Bộ luật Dân sự Pháp mới nhất (theo pháp lệnh số 2016-131 ngày 10 tháng 2 năm 2016 về cải cách luật hợp đồng, các quy định chung và chứng cứ của các nghĩa vụ).

5. Đạo luật về mua bán hàng hóa của Anh năm 1979.

6. Bộ nguyên tắc Luật Hợp đồng châu Âu (PECL).

7. Nghĩa, P.D. (2011). *Giáo trình Luật Kinh tế*. Hà Nội: NXB Công an nhân dân.
8. Sơn, D.A. (2006). Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (4), 51-55
9. Jamin, C & Dissaux, N. (2018). *Réforme du droit des contrats. 10 articles à connaître*. Paris: Dalloz.
10. Smits, J.M. (2017). *Contract law -A Comparative Introduction*. Padstow: TJ International LTd.

Ngày nhận bài: 10/2/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/2/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 3/3/2021

Thông tin tác giả:

1. ThS. NGUYỄN THỊ HOA CÚC

2. ThS. ĐOÀN NGUYỄN PHÚ CƯỜNG

Trường Đại học Cần Thơ

TERMINATION OF THE CONTRACT UNDER VIETNAM'S LAW ON COMMERCE 2005, ENGLISH LAW, FRENCH LAW AND PECL

● Master. **NGUYEN THI HOA CUC**

● Master. **DOAN NGUYEN PHU CUONG**

Can Tho University

ABSTRACT:

Termination of the contract, which is one of the strictest remedies, is applied to breach party in commercial contract because it has deprived the innocent party of substantially the whole benefit of the contract since the contract entries into force. According to Vietnam's Law on Commerce 2005, a party of the contract can claim the termination as: (1) upon commission of a breaching act which serves as a condition for the termination of the contract as agreed upon by the parties or (2) upon a substantial breach of contractual obligations by a party. In practice, it is necessary to determine circumstances for terminating a contract. This paper reviews Vietnam's regulations on the termination of contract and compares these regulations with English law, French law and the Principles of European Contract Law in order to enhance the effectiveness of Vietnam's regulations and the dispute resolution of Vietnamese juridical units.

Keywords: termination of the contract, conditions for the termination of the contract, substantial breach of contractual obligations.